TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh P - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm 1991;
HKTT: khu 8, xã T, huyện C, tỉnh A.
- *Bị đơn*: Anh Trịnh Minh P, sinh năm 1990;
HKTT: khu 8, xã T, huyện C, tỉnh A.
Hiện đang ở nước ngoài.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông Trịnh M, sinh năm 1962,
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961.
HKTT: khu 8, xã T, huyện C, tỉnh A.
(Chị X, ông M, bà Lcó đơn xin xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Trịnh Minh P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh A. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó anh P đi Đài Loan đến nay vẫn chưa về, từ đó giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Minh P.

Về con chung: chị Trần Thị X xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trịnh Như Q, sinh ngày 01/11/2010 và cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 23/9/2015. Hiện nay cháu Q đang ở cùng chị X, cháu L đang ở với ông bà nội là ông Trịnh M và bà

Nguyễn Thị L. Sau khi ly hôn chị X đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Như Q cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trịnh Bảo L cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong thời gian anh P ở nước ngoài chị đề nghị tạm giao cháu L cho ông M, bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Trần Thị X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: chị Trần Thị X xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Trịnh Minh P hiện nay đang ở nước ngoài được thể hiện tại văn bản số 3983/QLXNC-P5 ngày 28/02/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "*Trịnh Minh P, sinh ngày 15/9/1990, đã xuất cảnh ngày 26/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước".* Do chị X không biết địa chỉ của anh P ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã báo ông Trịnh M và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của anh P) và được ông M, bà L cung cấp thông tin như sau: ông bà là bố mẹ đẻ của anh P và là bố mẹ chồng của chị X. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh P gia đình đã nhận được, gia đình có thông báo cho anh P biết thông qua điện thoại và yêu cầu anh P cung cấp địa chỉ của anh ở nước ngoài nhưng anh P không cung cấp và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị X theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh P và chị X có hai con chung là cháu Trịnh Như Q, sinh ngày 01/11/2010 và cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 23/9/2015. Chị X đề nghị Tòa án sau khi ly hôn cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và để anh P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Bảo L. Ông M, bà Lđã thông báo cho anh P biết về nội dung trên và anh P có nói lại với ông bà là anh P nhất trí với nguyện vọng về con chung của chị X. Ông M, bà Lcũng hoàn toàn nhất trí với nguyện vọng về con chung của chị X. Hiện nay anh P đang ở nước ngoài nên ông M, bà Lđề nghị Tòa án tạm giao cháu Trịnh Bảo L cho ông bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi nào anh P về nước ông bà sẽ giao lại cháu L cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: ông M, bà Lxác định không có gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X. Chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trịnh Minh P;

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Như Q, sinh ngày 01/11/2010 cho chị Trần Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 23/9/2015 cho anh Trịnh Minh P chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cho ông Trịnh M và bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L trong thời gian anh P đi lao động ở nước ngoài. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các đương sự đều

có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị X nộp đơn xin ly hôn anh Trịnh Minh P tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị X trình bày hiện anh P đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 3983/QLXNC-P5 ngày 28/02/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "*Trịnh Minh P, sinh ngày 15/9/1990, đã xuất cảnh ngày 26/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước".* Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Trong vụ án này anh P không có mặt ở Việt Nam và chị X đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị X đề nghị xin ly hôn với anh P và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh P tại Việt Nam là khu 8, xã T, huyện C, tỉnh A mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua thân nhân của anh P là ông Trịnh M và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của anh P) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh P biết, yêu cầu anh P cung cấp địa chỉ hiện nay nhưng anh P không cung cấp nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở đâu tại nước ngoài. Như vậy, anh P đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Chị X, ông M, bà L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X, anh P, ông M, bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Trịnh Minh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh A vào ngày 17/12/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị X và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng chị X và anh P đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được

ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị X được chấp nhận.

- Về con chung: chị X và anh P có hai con chung là cháu Trịnh Như Q, sinh ngày 01/11/2010 và cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 23/9/2015. Hiện nay cháu Q đang ở cùng chị X, cháu L đang ở với ông bà nội là ông Tuyến và bà Lương. Sau khi ly hôn chị X đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Như Q cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trịnh Bảo L cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Trong thời gian anh P ở nước ngoài chị X đề nghị tạm giao cháu L cho ông M, bà Lđược trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Q và cháu L thể hiện: cháu Q có mong muốn được sống cùng với mẹ và cháu L có mong muốn được sống cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của chị X là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và cháu L. Do vậy cần giao cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Như Q và giao cho anh P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo L. Trong thời gian anh P ở nước ngoài thì ông M, bà Lvẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L đến khi anh P trở về Việt Nam là phù hợp. Chị X và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trịnh Minh P.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Trần Thị X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Như Q, sinh ngày 01/11/2010. Giao cho anh Trịnh Minh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 23/9/2015 cho đến khi các con chung thành niên.

Tạm giao cháu Trịnh Bảo L cho ông Trịnh M và bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh P ở nước ngoài đến khi anh P về nước sẽ bàn giao lại cháu L cho anh P nuôi dưỡng.

Chị X và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị X đã nộp

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000504 ngày 08/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Trần Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Trịnh Minh P là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà Giang